

Kh. a h c : L, p h c : 35CCĐ3 N L m h c : 2012-2013 ậ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

Н ь к8 : HK03

STT	Mã S´	L, P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	ậ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010032	35CCĐ3	Nguy, n Tấĩ ợ n	04/06/1993				8.5	9.0	10.0	9.2	2.8	6.5	4.6	7.3	
2	3471010017	34CLC-CD	Phẩm Vễn Bđđ	23/09/1992				8.0	6.5	7.0	7.2	2.2	7.0	4.9	7.1	
3	3471010030	34CCD6	Phẩm Vễn Cĩnh	15/10/1991				8.0	9.0	9.0	8.7	2.6	7.0	4.9	7.5	
4	3571011622	35CCĐ7	Nguy, n Mẩĩh Cồĩg	05/11/1993				7.5	9.0	8.0	8.2	2.5	6.0	4.2	6.7	
5	3471010045	34CCD7	Hĩ Vễn Cu	00/00/1991				7.5	9.0	9.0	8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
6	3471010033	34CCD6	Mai Vễn Chi/ĩ	06/07/1992				5.5	6.0	6.0	5.8	1.7	5.5	3.9	5.6	
7	3471010055	34CCD1	B½ĩ Hĩĩ ợĩ u	10/12/1992				2.0	2.5	3.0	2.5	0.8	5.0	3.5	4.3	
8	3571011839	35CCĐ3	Nguy, n Tấĩ ợ ẩĩ	21/05/1993				9.0	9.0	10.0	9.3	2.8	8.5	6.0	8.8	
9	3471010086	34CCD3	Trợĩ Tấĩ ợ ẩĩ	01/08/1992				9.0	9.0	10.0	9.3	2.8	0.0	0.0	2.8	
10	3471010090	34CCD3	Nguy, n Khđđ ợ i' p	14/02/1991				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	3571010591	35CCĐ5	Phan Thẩĩ ợ ợĩ ợĩ	25/02/1993				5.0	7.5	8.0	6.8	2.0	1.5	1.1	3.1	
12	3571010748	35CCĐ1	ợ ợĩ Ph½ĩ Hi' p	11/03/1993				9.0	8.0	7.0	8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
13	3571011313	35CCĐ6	Lê Minh Hoa	02/02/1993				6.0	7.0	5.0	6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
14	3571011824	35CCĐ7	Trợĩ Vợĩĩ Huy	12/09/1993				9.0	6.5	8.0	7.8	2.3	5.0	3.5	5.9	
15	3471010145	34CCD4	L° Vễn Hũĩĩ	10/09/1992				5.0	5.0	7.0	5.7	1.7	5.0	3.5	5.2	
16	3571010773	35CCĐ1	Nguy, n Ph-ợ c Hũĩĩ	29/12/1993				5.0	6.0	8.0	6.3	1.9	4.0	2.8	4.7	
17	3471010166	34CCD5	ợ ợĩ Duy Khĩĩ	20/10/1992				6.0	6.5	8.0	6.8	2.0	4.0	2.8	4.9	
18	3471010182	34CCD4	Vĩĩ Tuấĩĩ Anĩĩ Liêĩĩ	16/08/1992				6.5	8.0	8.0	7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
19	3471010199	34CCD3	Nguy, n Minh Luân	31/05/1992				10.0	9.5	9.0	9.5	2.9	6.5	4.6	7.4	

Kh·a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 35CCĐ3 **Ñm h̃ c :** 2012-2013 **η VHT :** 4
(60,0,0,0,0,0)

Н ь к8 : HK03

STT	Mã S´	L, P SV	H´ Vê TạN	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHêIN						TBC	QUY TS: 30.00%	ậ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011456	35CCĐ3	L° Vln Ngh	10/07/1993				7.0	6.0	6.5	6.5	2.0	7.5	5.3	7.2	
21	3571011258	35CCĐ6	ậ inh Cao Nguyên	15/02/1992				9.0	9.0	10.0	9.3	2.8	5.5	3.9	6.6	
22	3471010236	34CCD4	Trợng Quang Nhđ	18/06/1991				8.5	9.0	8.0	8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
23	3571011240	35CCĐ6	Nguy, n ChiJm Nh, t	15/06/1993				9.0	9.0	10.0	9.3	2.8	6.5	4.6	7.3	
24	3571010114	35CCĐ3	Dợng Thđ Phi	23/05/1993				6.0	9.0	6.0	7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
25	3471010243	34CLC-CD	H° Thanh Phong	07/04/1992				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	6.5	4.6	6.9	
26	3571010044	35CCĐ2	Phan ThJ Phong	18/04/1993				3.0	4.0	2.0	3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
27	3471010253	34CCD1	Lê Anh Phợng	24/07/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	4.0	2.8	2.8	
28	3471010261	34CCD2	Trợn Quang	17/01/1992				7.5	8.5	8.0	8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
29	3571010391	35CCĐ4	Trợn H° ng Quân	25/01/1993				5.0	5.0	4.5	4.8	1.4	0.0	0.0	1.5	
30	3471010264	34CLC-CD	Nguy, n Th' Cđ Quyên	16/07/1992				7.0	9.0	8.0	8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
31	3571011807	35CCĐ7	Nguy, n Ng' c Sln	25/03/1993				7.0	7.0	5.0	6.3	1.9	3.5	2.5	4.4	
32	3571011499	35CCĐ7	Nguy, n Anh Tài	26/02/1991				7.5	9.0	8.0	8.2	2.5	6.0	4.2	6.7	
33	3471010275	34CCD2	B½ Vln Tân	14/11/1991				7.0	9.0	7.0	7.7	2.3	7.5	5.3	7.6	
34	3571011607	35CCĐ7	H° L° Minh Tín	24/07/1993				5.5	8.0	8.0	7.2	2.2	5.0	3.5	5.7	
35	3571011812	35CCĐ7	Nguy, n Tr' ng Tín	30/12/1993				5.5	7.0	6.0	6.2	1.9	4.5	3.2	5.0	
36	3471010376	34CCD6	Trợn Ho' ng Tuđ	21/12/1992				6.0	8.0	6.0	6.7	2.0	4.0	2.8	4.8	
37	3571010275	35CCĐ2	Phan Vln Tu'	24/04/1993				5.0	7.0	6.0	6.0	1.8	0.5	0.4	2.2	
38	3571011222	35CCĐ6	Nguy, n Duy Thanh	24/04/1993				6.0	9.0	6.5	7.2	2.2	5.0	3.5	5.7	

Kh. a ḥ c : **Ḷ p ḥ c :** 35CCĐ3 **Nḷm ḥ c :** 2012-2013 **ṇ VHT :** 4
Ḥ ṇ T : **Ḥ c pḥFn :** 1230172002-802 - Cḥḥ c ḳJ̣ c Ḅḥ **Ḥ c k8 :** HK03
 (60,0,0,0,0,0)

STT	Mã S	L P SV	H Vê TậN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHẫN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010781	35CCĐ1	η Tỉη Thành	16/04/1992				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	4.0	2.8	4.5	
40	3471010295	34CCD5	Trệη Qu' c Thễηh	06/12/1990				7.0	7.0	6.0	6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
41	3571010345	35CLC1-CĐ	H' Vậη Thễb	22/02/1993				5.0	5.0	5.0	5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
42	3571011455	35CCĐ3	η Hậη Duy Thỉ' n	18/08/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
43	3571010273	35CCĐ4	Phễη Thanh Th' nh	24/05/1993				7.5	9.0	9.0	8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
44	3471010349	34CCD6	Bừη Duy Trỉηh	04/10/1991				5.5	6.0	8.0	6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
45	3471010353	34CCD4	V» T' nh η_ c Tr' ηη	26/10/1992				6.0	6.5	5.0	5.8	1.7	0.0	0.0	1.8	
46	3571011204	35CCĐ5	Mai Xuậη VỈ	29/05/1993				7.5	9.0	8.0	8.2	2.5	6.0	4.2	6.7	

T'ng s' : 46 h' c sinh sinh vi' n

Tr'ng Khoa

Gi'so Vi' n B, M' n

Gi'so V' Khoa

Tp.HCM, ngà y / /